TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ** **TỈNH THỪA THIÊN H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày: 01/7/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng C.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Thanh N.
2. Bà Trần Thị Thanh X.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh T, Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H: Ông Nguyễn Trường T, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H (địa chỉ: Số 60 đường N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2019/QĐST-DS, ngày 12 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T;

Địa chỉ: Ssoos 266-268 đường N, phường 8, quận 3, Thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín –Chi nhánh H (theo Giấy ủy quyền số: 3962/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018 của Tổng giám đốc).

Người được ủy quyền lại: Ông Võ Phước Đại D, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP Sài Gòn T - Chi nhánh Thừa Thiên H (Theo giấy ủy quyền số: 02/2019/GUQ-CNTTH ngày 08/01/2019 của Giám đốc);

Địa chỉ: Số 126 đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Thế A, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 81 đường P, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người được ủy quyền lại của nguyên đơn ông Võ Phước Đại Dương trình bày: Ngày 17/5/2016, ông Nguyễn Hữu Thế A có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T (Sacombank) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao

gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Hữu Thế A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 18.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Nguyễn Hữu Thế A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.642.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Nguyễn Hữu Thế A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 9.208.000đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Hữu Thế A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Hữu Thế A vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/8/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với khách hàng ông Nguyễn Hữu Thế A, yêu cầu ông Nguyễn Hữu Thế A có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên ông Nguyễn Hữu Thế A vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại các Hợp đồng đã ký với Ngân hàng. Theo quy định của Ngân hàng:

Kỳ sao kê được tính từ ngày 31 tháng này đến 31 tháng sau, hàng tháng Ngân hàng sẽ gửi sao kê này về cho khách hàng theo địa chỉ do khách hàng cung cấp, trên đó có dư nợ đầu kỳ, cuối kỳ, các khoản phát sinh trong kỳ và thông báo cho khách hàng số tiền thanh toán tối thiểu.

* Số tiền thanh toán tối thiểu: Là số tiền tối thiểu được ghi trên thông báo giao dịch hàng tháng mà khách hàng phải thanh toán.

* Cách tính: Số tiền thanh toán tối thiểu = (Dư nợ không bao gồm số tiền vượt hạn mức x tỷ lệ %) + số tiền thanh toán tối thiểu tháng trước (nếu có) + số tiền vượt hạn mức (nếu có);

Tỷ lệ cụ thể là 5%, tối thiểu 100.000đ.

* Phí chậm thanh toán: Phát sinh 1 lần trong 1 kỳ thông báo giao dịch nếu khách hàng không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn.

* Cách tính: Phí chậm thanh toán = Số tiền thanh toán tối thiểu x tỷ lệ %;

Tỷ lệ cụ thể là 6% trên số tiền chậm thanh toán, tối thiểu 80.000đ;

* Phí vượt hạn mức: phát sinh khi dư nợ vượt hạn mức tín dụng được cấp.

Cách tính: Phí vượt hạn mức = Số tiền vượt x tỷ lệ % x số ngày vượt;

Tỷ lệ cụ thể là 0.075%/ngày tối thiểu 50.000đ.

* Dư nợ gốc: Là tất cả các khoản nợ được thể hiện trên thông báo giao dịch gồm: Giao dịch rút tiền mặt, giao dịch tương đương rút tiền mặt, giao dịch mua hàng hóa, phí, và những khoản nợ khác trên tài khoản theo Điều 1.9 tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

* Cách tính: Dư nợ cuối kỳ = Dư nợ đầu kỳ + Số tiền giao dịch + Phí + Lãi – Số tiền thanh toán.

* Nguyên tắc tính lãi:

* Lãi trong hạn: Sacombank đã tính khoản nợ lãi trong hạn đối với ông Nguyễn Hữu Thế Anh từ ngày 31/5/2016 đến ngày 31/7/2017 theo Điều 1.31 tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín là 2.5%/tháng và được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Sacombank (www.sacombank.com.vn) hay tại bất kỳ điểm giao dịch Sacombank nào hoặc được cung cấp bởi Trung Tâm Dịch vụ Khách hàng Sacombank theo số 1900555588.

Cách tính: Tiền lãi = Số tiền phát sinh x Lãi suất tháng /30 x số ngày phát sinh.

* Lãi quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

Lãi quá hạn áp dụng cho ông Nguyễn Hữu Thế A được tính từ ngày 01/8/2017 là ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn thiếu sang nợ quá hạn đến thời điểm ông Nguyễn Hữu Thế A trả hết toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng. Cụ thể là: 2.5% x 150% = 3.75%/ tháng.

* Cách tính: Tiền lãi quá hạn = Dư nợ gốc x lãi suất quá hạn/30 x số ngày quá hạn.

Tính đến ngày 01/7/2019 ông Nguyễn Hữu Thế A cón nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền nợ gốc và lãi là: 32.252.762đồng (trong đó nợ gốc 17.201.362đồng, nợ lãi quá hạn 15.051.400đồng).

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu Thế A phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số nợ gốc và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 01/7/2019 là 32.252.762đồng (trong đó nợ gốc 17.201.362đồng, nợ lãi quá hạn 15.051.400đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký kết.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 19/12/2018, Toà án đã có thông báo thụ lý vụ án số: 351/TB-TLVA và đã niêm yết thông báo thụ lý và Giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải kể cả Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để ông Nguyễn Hữu Thế A là bị đơn trong vụ án đến Toà án để làm việc, tham gia tố tụng, nhưng ông Thế A cũng không đến Toà án để trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên toà hôm nay, ông Nguyễn Hữu Thế A vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Xét thấy: Toà án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với bị đơn nhưng ông Nguyễn Hữu Thế A vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, là thuộc trường hợp cố tình vắng mặt, gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiên hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58, Điều 262, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 280, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T buộc ông Nguyễn Hữu Thế A phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm 01/7/2019 là 17.201.362đồng, lãi quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng là 15.051.400đồng. Tổng cộng là 32.252.762đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu ông Nguyễn Hữu Thế A không thanh toán đầy đủ số tiền nói trên thì còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thi hành xong toàn bộ khoản nợ vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Hữu Thế A phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hữu Thế A là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T, thấy rằng: Ngày 17/5/2016, ông Nguyễn Hữu Thế A có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T (Sacombank) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các lại liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông Nguyễn Hữu Thế A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 18.000.000đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng ông Nguyễn Hữu Thế A đã thực hiện các giao dịch đến ngày 31/7/2017 với tổng số tiền 19.642.000đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Nguyễn Hữu Thế A, yêu cầu ông Nguyễn Hữu Thế A có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên ông Nguyễn Hữu Thế A vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản đã quy định tại các Hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng.

Các giao dịch của ông Nguyễn Hữu Thế A được thể hiện như sau:

- Ngày 31/5/2016 ông Nguyễn Hữu Thế A đã rút giao dịch số tiền 8.840.000đồng, nên ông A phải chịu tiền lãi 53.336đồng, phí sử dụng thẻ/năm là 299.000đồng, nên số dư nợ cuối kỳ là 9.192.336đồng.

- Đến ngày 30/6/2016 ông A còn dư nợ đầu kỳ 9.192.336, ông A đã rút giao dịch số tiền 6.000.000đồng, nên phải chịu thêm tiền lãi 319.491đồng, ông A đã thanh toán 460.000đồng, nên số dư nợ cuối kỳ còn lại 15.051.827đồng.

- Đến ngày 31/7/2016 ông A còn dư nợ đầu kỳ 15.051.827đồng, ông A đã rút giao dịch 2.000.000đồng, nên ông A phải chịu tiền lãi 378.179đồng, ông A đã thanh toán 753.000đồng, như vậy số dư nợ cuối kỳ 16.677.006đồng.

- Đến ngày 31/8/2016 ông A còn dư nợ đầu kỳ 16.677.006đồng, ông A còn phải chịu thêm phí trễ hạn 80.000đồng, lãi 401.394đồng, như vậy số dư nợ cuối kỳ 17.158.400đồng.

- Đến ngày 30/9/2016 ông A còn dư nợ đầu kỳ 17.158.400đồng, ông A đã rút giao dịch số tiền 1.000.000đồng, ông A còn phải chịu tiền lãi 399.950đồng, ông A đã thanh toán 1.695.000đồng, như vậy số dư nợ cuối kỳ 16.863.350đồng.

- Đến ngày 31/10/2016 ông A còn dư nợ đầu kỳ 16.863.350đồng, ông A đã rút giao dịch số tiền 1.000.000đồng, ông A còn phải chịu tiền lãi 416.120đồng, ông A đã thanh toán 850.000đồng, như vậy số dư nợ cuối kỳ 17.429.470đồng.

- Đến ngày 30/11/2016 ông A còn dư nợ đầu kỳ 17.429.470đồng, ông Anh đã rút giao dịch số tiền 520.000đồng, ông A còn phải chịu phí trễ hạn 80.000đồng, tiền lãi 407.526đồng, phí vượt hạn mức 50.000đồng, như vậy số dư nợ cuối kỳ 18.486.996đồng.

- Đến ngày 31/12/2016 ông A còn dư nợ đầu kỳ 18.486.996đồng, ông A đã rút giao dịch số tiền 425.288đồng, ông A còn phải chịu phí trễ hạn 81.580đồng, tiền lãi 425.288đồng, phí vượt hạn mức 50.000đồng, như vậy số dư nợ cuối kỳ 18.425.792đồng.

- Đến ngày 31/01/2017 ông A còn dư nợ đầu kỳ 18.425.792đồng, ông A còn phải chịu tiền lãi 404.796đồng, phí vượt hạn mức 50.000đồng, ông A đã thanh toán 2.700.000đồng; như vậy số dư nợ cuối kỳ 16.180.588đồng.

- Đến ngày 28/02/2017 ông A còn dư nợ đầu kỳ 16.180.588đồng, ông A còn phải chịu phí trễ hạn 80.000đồng, tiền lãi 341.406đồng; như vậy số dư nợ cuối kỳ 16.601.994đồng.

- Đến ngày 31/3/2017 ông A còn dư nợ đầu kỳ 16.601.994đồng, ông A còn phải chịu phí trễ hạn 80.000đồng, tiền lãi 374.717đồng, ông A đã thanh toán 850.000đồng; như vậy số dư nợ cuối kỳ 16.206.711đồng.

- Đến ngày 30/4/2017 ông A còn dư nợ đầu kỳ 16.206.711đồng, ông A còn phải chịu phí trễ hạn 95.968đồng, tiền lãi 366.486đồng; như vậy số dư nợ cuối kỳ 16.669.165đồng.

- Đến ngày 31/5/2017 ông A còn dư nợ đầu kỳ 16.669.165đồng, ông A còn phải chịu phí trễ hạn 85.975đồng, tiền lãi 374.559đồng, ông A đã thanh toán 100.000đồng; như vậy số dư nợ cuối kỳ 16.129.699đồng.

- Đến ngày 30/6/2017 ông A còn dư nợ đầu kỳ 16.129.699đồng, ông A còn phải chịu phí trễ hạn 134.364đồng, tiền lãi 364.764đồng; như vậy số dư nợ cuối kỳ 16.628.827đồng.

- Đến ngày 31/7/2017 ông A còn dư nợ đầu kỳ 16.628.827đồng, ông A còn phải chịu phí trễ hạn 184.251đồng, tiền lãi 388.284đồng; như vậy số dư nợ cuối kỳ 17.201.362đồng.

Do ông Nguyễn Hữu Thế A vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên từ ngày 01/8/2017 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ gốc 17.201.362đồng sang nợ quá hạn.

Như vậy, từ ngày 01/8/2017 đến ngày 01/7/2019 ông Nguyễn Hữu Thế A còn nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền nợ gốc 17.201.362đồng, nợ lãi quá hạn 15.051.400đồng (3.75%/tháng). Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là: 32.252.762đồng.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu Thế A phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T toàn bộ số nợ gốc 17.201.362đồng, nợ lãi quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm 01/7/2019 là: 15.051.400đồng. Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là: 32.252.762đồng (Ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02/7/2019 cho đến khi ông Nguyễn Hữu Thế A trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết là có căn cứ đúng pháp luật, cần chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Hữu Thế A phải chịu 32.252.762đồng x 5% = 1.626.288đồng (một triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T không phải chịu án phí, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 682.000đồng (Sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng) mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T đã nộp theo biên lai thu tiền số: 006260, ngày 07/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 467, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T, buộc ông Nguyễn Hữu Thế A phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T toàn bộ số nợ gốc và lãi là: 32.252.762đồng (Ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (02/7/2019) ông Nguyễn Hữu Thế A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

2. Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Hữu Thế A phải chịu 1.626.288đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí 682.000đồng (Sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng) mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T đã nộp theo biên lai thu tiền số: 006260, ngày 07/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Án sơ thẩm xét xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT H;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Trọng C